TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2024/DS-ST
Ngày 17-9-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Phát.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Bình.

Ông Trần Hoàng Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2024/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 266 – 268 đường N, Phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Ngọc V – Chuyên viên quản lý nợ, phòng Kiểm soát rủi ro Chi nhánh Ngân hàng TMCP S tại Ninh Thuận. Là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số: 91/2024/GUQ-CNNT ngày 08/8/2024. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Lê Mạnh T, sinh năm: 1960. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 10, phường P, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 28/6/2022 ông Lê Mạnh T có ký với Ngân hàng TMCP S (viết tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng TMCP S (đơn vị phát hành thẻ) - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông T, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng; đồng; lãi suất 2,6%/tháng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Đến ngày 28/10/2022, Ngân hàng ban hành Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ S phát hành tại Việt Nam thay đổi mức lãi 2,77%/tháng, áp dụng từ ngày 18/11/2022. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.759.999 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng). Ông Lê Mạnh T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 25 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng; chỉ tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 8.329.000 đồng (Chỉ tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng của Ngân hàng; cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước.
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước.
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ.
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 15/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 24.830.860 đồng làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Đại diện hợp pháp của Ngân hàng, ông Phạm Ngọc V đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Mạnh T phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 17/9/2024 là 36.009.576 đồng; trong đó: Số tiền gốc là 24.830.860 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 11.178.770 đồng. Buộc ông Lê Mạnh T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 18/9/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Tại *"Đơn xin xét xử vắng mặt"* ngày 16/9/2024, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Ngọc V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Bị đơn là ông Lê Mạnh T: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án; Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Mạnh T nhưng ông T không đến Tòa án làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi gì liên quan đến tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp; vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, cụ thể như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn mặc dù đã được thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Mạnh T phải trả số tiền nợ đã vay theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 28/6/2022. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố 10, phường Phước Mỹ, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lê Mạnh T nhưng ông T không đến tham gia tố tụng mặc dù đã được tống đạt, triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay, ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ các chứng cứ, tài liệu và lời khai nguyên đơn cung cấp; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1.1] Ngày 28/6/2022, ông Lê Mạnh T ký kết với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; bao gồm: Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (Viết tắt là Giấy đề nghị và Bản điều khoản). Căn cứ thu nhập của ông T; Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng.

[2.1.2] Sau khi ký hợp đồng, ông Lê Mạnh T đã được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng và nhận đủ số tiền hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng. Như vậy Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa Ngân hàng và ông Lê Mạnh T được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức của Hợp đồng đúng quy định của pháp luật nên xác định là Hợp đồng hợp pháp. Theo các tài liệu, chứng cứ Ngân hàng cung cấp thì từ ngày kích hoạt thẻ; ông T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 29.759.999 đồng và đến khi ngưng thanh toán đã trả Ngân hàng số tiền 8.329.000 đồng. Sau đó ông T không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Ngân hàng nữa mặc dù đã được Ngân hàng đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần.

[2.1.3] Như vậy, có cơ sở khẳng định ông Lê Mạnh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, đã vi phạm Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết, ông T là người có lỗi nên phải chịu mọi hậu quả phát sinh từ hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

[2.2] Về lãi suất:

[2.2.1] Các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng (từ ngày 28/6/2022 đến ngày 17/11/2022) và lãi suất 2,77%/ tháng (từ ngày 18/11/2022 đến nay); lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản điều khoản). Mức lãi suất này được quy định cụ thể tại Giấy đề nghị và Bản điều khoản của Ngân hàng và Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28/10/2022 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ S phát hành tại Việt Nam. Ngân hàng đã niêm yết công khai mức lãi suất tại thời điểm cho vay đối với hình thức sử dụng thẻ tín dụng, ông T đã biết và thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng trong các lần thực hiện giao dịch rút tiền mà không có ý kiến hay khiếu nại gì.

[2.2.2] Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, ông Lê Mạnh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 24 của Bản điều khoản) nên ngày 15/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và đã chuyển toàn bộ dư nợ của thẻ tại thời điểm này là 24.830.806 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại là đúng theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản, phù hợp với Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 về

việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng; phù hợp với Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 và Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28/10/2022 về việc ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ Thẻ S phát hành tại Việt Nam phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về các loại phí liên quan đến thẻ: Các bên đã thỏa thuận về trách nhiệm thanh toán của chủ thẻ tại Điều 25 của Bản điều khoản. Ông Lê Mạnh T phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản điều khoản; chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt. Căn cứ các biểu phí đã được Ngân hàng niêm yết công khai tại thời điểm ký hợp đồng, đã được thỏa thuận giữa Ngân hàng và ông Lê Mạnh T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng, phù hợp với khoản 1, khoản 3 Điều 6 của Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 về việc ban hành Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ Ngân hàng và phù hợp với khoản 1 Điều 5 Thông tư số 19/2016/TT- NHNNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ Ngân hàng của Ngân hàng Nhà nước nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[2.4] Đối với yêu cầu: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Mạnh T còn phải tiếp tục chịu lãi suất của số tiền nợ gốc phát sinh từ ngày 18/9/2024 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho đến khi thanh toán xong hợp đồng tín dụng của Ngân hàng. Xét thấy yêu cầu này phù hợp với các nội dung mà các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Từ các phân tích như trên, thấy rằng: Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Mạnh T trả tổng số tiền là 36.009.576 đồng; trong đó: Số tiền gốc là 24.830.860 đồng; Số tiền lãi quá hạn là 11.178.770 đồng phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng; phù hợp với quy định tại các Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Mạnh T, có nội dung thể hiện Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T phải trả số tiền vay còn nợ bao gồm nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nhưng ông T không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không phản đối những tình tiết, sự kiện cũng như những tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng xuất trình nên có cơ sở khẳng định ông T đã từ bỏ quyền của mình được pháp luật quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên theo quy định tại Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị đơn là ông Lê Mạnh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 1.800.000 đồng (Đã làm tròn). Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

1. Buộc ông Lê Mạnh T phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tính đến ngày 17/9/2024 là 36.009.576 đồng *(Ba mươi sáu triệu không trăm lẻ chín nghìn năm trăm bảy mươi sáu đồng)*; trong đó: Số tiền gốc là 24.830.806 đồng. Số tiền lãi quá hạn là 11.178.770 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/9/2024), ông Lê Mạnh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí:

3.1. Ông Lê Mạnh T phải chịu 1.800.000 đồng (Đã làm tròn) *(Một triệu tám trăm nghìn đồng)* án phí Dân sự sơ thẩm.

3.2. Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 817.739 đồng *(Tám trăm mười bảy nghìn bảy trăm ba mươi chín đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002648 ngày 04/5/2024 của Chi cục thi hành dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ Bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR - TC;
- Chi cục THADS Tp. PR-TC;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, AV).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Phát